

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/KDTM - ST
Ngày: 02 - 5 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Lan Hương

Ông Hoàng Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 66/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2024, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 23/2024/TB-HPT ngày 06/3/2024; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 48/2024/TB-HPT ngày 02/4/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 70/2024/TBMLPT-KDTM ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 (MB); địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q2 - Ngân hàng TMCP Q1; địa chỉ: Số C L, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Chức vụ: Tổng giám đốc (Theo Hợp đồng ủy quyền số 129/UQ.MB-MBAMC ngày 13/4/2023 của Ngân hàng TMCP Q1); người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ - Chức vụ Giám đốc chi nhánh Công ty M1 (Theo văn bản ủy quyền số 12941.4/UQ-MBAMC ngày 21/12/2023 của ông Hà Anh

D với Giám đốc chi nhánh về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Trương Phương N – Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 123/UQ-MBAMC ngày 26/02/2024 về việc tham gia tố tụng); địa chỉ: Tầng C, A L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông N có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH T1; địa chỉ theo Giấy đăng ký kinh doanh: Số A D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ tổng đạt: Số nhà A, đường A, tổ dân phố G, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị B - Chức danh: Giám đốc. Bà B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T1 (Gọi tắt là Công ty T1 - Bên vay đồng thời là bên thế chấp) và Ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh Q3 (Bên cho vay – M2) đã cùng ký kết (các) Hợp đồng tín dụng cùng (các) Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Số Hợp đồng tín dụng	Số khế ước	Mục đích vay	Ngày nhận nợ	Lãi suất /năm	Ngày đến hạn	Số tiền phát vay (đồng)
Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 54209.21.510.41276 48.TD ngày 06/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.41276 48.TD.PL01 ngày 21/06/2022	LD2217217062	Thanh toán tiền hàng	21/06/2022	Theo qui định từng thời kỳ	21/03/2023	450.000.000
	FT22248900684 045	Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ số 510MD21 27965837	05/09/2022	Theo qui định từng thời kỳ	05/06/2023	4.808.998.050
Tổng số tiền giải ngân: 5.258.998.050 đồng						

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là các tài sản sau đây:

Tài sản 01: Quyền đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ (Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021, bên có nghĩa vụ: Công ty TNHH X, trị giá quyền đòi nợ: 18.600.000.000 đồng (Bằng chữ: mười tám tỷ sáu trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán: theo quy định của Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ; (2) Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên tài khoản 5101100101008 (VND) mở tại M2; (3) Các quyền và lợi ích phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021 về việc thực hiện gói thầu số 14/TC-KĐH: Thi công xây dựng tuyến kè thôn P (bao gồm chi phí dự phòng), dự án: Khôi phục khẩn cấp chống sạt lở bờ sông xã Đ, huyện T giữa Công ty TNHH X và Công ty T1 cùng các giấy tờ, tài liệu kèm theo. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Tài sản 02: xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota; số loại: CAMRY; số khung: 3FKXH1005055; số máy: 6ARP291274; màu sơn: đen mang BKS số: 73A-079.89 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012290 do Phòng CSGT Công an tỉnh Q cấp ngày 12/06/2017 cho Công ty T1. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 28838.22.510.4127648.BĐ ngày 21/06/2022 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Sau khi vay vốn và cấp vốn, Công ty T1 chỉ thanh toán được số tiền lãi là 4.053.170 đồng của món nợ 450.000.000 đồng. Sau đó đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như cam kết trong (các) Hợp đồng tín dụng, (các) Khế ước nhận nợ nêu trên. Công ty đã vi phạm thanh toán kể từ ngày 25/8/2022.

Đến nay toàn bộ các khoản vay đã đến hạn tất toán nhưng Công ty T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho M2. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với Công ty T1 để yêu cầu trả nợ nhưng bên vay không thực hiện và cố tình chây ì không hợp tác. MBAMC đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên thế chấp liên quan theo đúng quy định.

Như vậy, Bên vay, Bên bảo đảm đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo (các) Hợp đồng tín dụng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với MB.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên Ngân hàng TMCP Q1 kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thụ lý vụ án và xem xét giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc bên vay là Công ty TNHH T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1 khoản nợ theo (các) Hợp đồng tín dụng cùng (các) Khế ước nhận nợ đính kèm đã ký giữa các bên với số tiền đối với khế ước nhận nợ LD2217217602 số tiền gốc giải ngân 450.000.000 đồng (lãi suất 8,9%/năm sau đó theo quy định từng thời kỳ) và phiếu báo nợ PD2224863929 số tiền gốc giải ngân 4.808.998.050 đồng (lãi suất 13,5%/năm sau đó theo quy định từng thời kỳ) tính đến ngày 02/5/2024 là: 6.452.711.652 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.258.998.050 đồng; lãi quá hạn: 1.193.713.602 đồng).

2. Buộc Công ty TNHH T1 thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại (các) Hợp đồng cho vay cùng (các) Khế ước nhận nợ kèm theo đã ký kể từ ngày 03/5/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Nếu Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho MB, thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là:

Tài sản 01: Quyền đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ (Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021, bên có nghĩa vụ:

Công ty TNHH X, trị giá quyền đòi nợ: 18.600.000.000 đồng (Bằng chữ: mười tám tỷ sáu trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán: theo quy định của Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ; (2) Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên tài khoản 5101100101008 (VND) mở tại M2; (3) Các quyền và lợi ích phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021 về việc thực hiện gói thầu số 14/TC-KĐH: Thi công xây dựng tuyến kè thôn P (bao gồm chi phí dự phòng), dự án: Khôi phục khẩn cấp chống sạt lở bờ sông xã Đ, huyện T giữa Công ty TNHH X và Công ty T1 cùng các giấy tờ, tài liệu kèm theo. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Tài sản 02: xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota; số loại: CAMRY; số khung: 3FKXH1005055; số máy: 6ARP291274; màu sơn: đen mang BKS số: 73A-079.89 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012290 do Phòng CSGT Công an tỉnh Q cấp ngày 12/06/2017 cho Công ty T1. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 28838.22.510.4127648.BĐ ngày 21/06/2022 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý (các) tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng TMCP Q1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý (các) tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng đã nộp đơn đề nghị và có yêu cầu về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Nếu Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho MB, thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là:

Tài sản 01: Quyền đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ (Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021, bên có nghĩa vụ: Công ty TNHH X, trị giá quyền đòi nợ: 18.600.000.000 đồng (Bằng chữ: mười tám tỷ sáu trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán: theo quy định của Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ; (2) Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên tài khoản 5101100101008 (VND) mở tại M2; (3) Các quyền và lợi ích phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021 về việc thực hiện gói thầu số 14/TC-KĐH: Thi công xây dựng tuyến kè thôn P (bao gồm chi phí dự phòng), dự án: Khôi phục khẩn cấp chống sạt lở bờ sông xã Đ, huyện T giữa Công ty TNHH X và Công ty T1 cùng các giấy tờ, tài liệu kèm theo. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp

đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Rút yêu cầu đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là: Công ty TNHH X; địa chỉ: Số E đường N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn M – Giám đốc.

Những yêu cầu khởi kiện còn lại Ngân hàng xin được giữ nguyên như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Đối với bị đơn Công ty TNHH T1: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Đối với Công ty TNHH X có ý kiến như sau:

Ngày 30/9/2021 công ty T2 và công ty T1 ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH. Theo thỏa thuận tại Điều 8.2 của Hợp đồng và sau khi công ty T1 nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền 588.419.000 đồng Bảo lãnh tạm ứng với số tiền là 5.000.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ tạm ứng cho công ty T1 5.000.000.000 đồng. Sau khi nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 510MD2127965837 ngày 06/10/2021 và Văn bản sửa đổi bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 510MD2127965837 lần 1 ngày 07/10/2021 với số tiền là 5.000.000.000 VNĐ và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 510MD2127998486 ngày 06/10/2021 và Văn bản sửa đổi bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng số: 510MD2127998486 lần 1 ngày 07/10/2021 với số tiền là 588.419.000 VNĐ, công ty X đã chuyển cho công ty T1 5.000.000.000 đồng. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng do ngân hàng M2 – chi nhánh Q3 phát hành. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, công ty T1 luôn bị chậm tiến độ, công ty X đã gia hạn nhiều lần để công ty T1 thực hiện công việc. Ngày 15/4/2022 và ngày 06/7/2022, Công ty T1 đều có văn bản cam kết sẽ đẩy nhanh tiến độ, nếu không hoàn thành tiến độ như cam kết thì công ty T1 chịu mọi trách nhiệm và chấp nhận sẽ không được nghiệm thu thanh toán toàn bộ khối lượng đã thi công. Đến cuối tháng 7/2022, công ty T1 cũng chưa nộp hồ sơ để nghiệm thu thanh toán và chúng tôi cũng chưa nghiệm thu thanh toán khối lượng thi công nào. Do công ty T1 thi công chậm tiến độ nên chúng tôi buộc phải thu hồi cơ tiền tạm ứng. Công ty T1 không thanh toán tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và trả lại tiền tạm ứng cho công ty X và đã làm việc với công ty T1 và ngân hàng M2 chi nhánh Q3 vào ngày 20/7/2022 và thống nhất nếu đến ngày 28/7/2022 công ty T1 không nộp đủ số tiền cam kết, MB sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của MB liên quan đến việc hoàn trả bảo lãnh

với giá trị theo thư MB đã cam kết. Ngày 28/7/2022, công ty X đã gửi công văn yêu cầu M2 chi nhánh Q3 hoàn trả tiền bảo lãnh tạm ứng và thanh toán tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng với tổng số tiền là 5.588.419.000 đồng. Ngày 25/8/2022, ngân hàng M2 – chi nhánh Q3 đã thanh toán cho công ty X đầy đủ số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 588.419.000 đồng. Đến ngày 07/09/2022, ngân hàng M2 – chi nhánh Q3 đã thanh toán cho công ty chúng tôi đầy đủ số tiền bảo lãnh tạm ứng 5.000.000.000 đồng.

Ý kiến về việc tham gia tố tụng tại Tòa: Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngân hàng M2 – chi nhánh Q3 khởi kiện công ty T1 không liên quan gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của công ty X. Do đó, công ty X từ chối tham gia tố tụng tại Tòa trong vụ án trên với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có trụ sở chính tại thành phố Đ. Do đó, Tòa án thành phố Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Đảm bảo thời gian chuyển hồ sơ đến cho Viện kiểm sát để nghiên cứu hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 351; 463; 464; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền đối với khế ước nhận nợ LD2217217602 và phiếu báo nợ PD2224863929 tính đến ngày 02/5/2024 là: 6.452.711.652 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.258.998.050 đồng; lãi quá hạn: 1.193.713.602 đồng).

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản đảm bảo là Q đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021 giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 và bị đơn Công ty TNHH T1.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị tòa án tuyên nghĩa vụ án phí của bị đơn tương ứng với số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký địa chỉ trụ sở của Công ty TNHH T1 tại: Số A đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị B – Giám đốc Công ty. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Q1 (MB) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 54209.21.510.4127648.TD ngày 06/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.4127648.TD.PL01 ngày 21/06/2022. Các khế ước nhận nợ số LD2217217062 ngày 21/06/2022; số FT22248900684045 ngày 05/9/2022; số FT22250412398541 ngày 07/9/2022; số FT22237499232703 ngày 28/5/2023; số FT22238085438198 ngày 26/8/2023 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; triệu tập nhiều lần bằng hình thức gửi bưu điện. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tổng đạt các văn bản tố tụng để bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi,*

nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...”. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty T1 đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của Công ty và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập Công ty TNHH T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Công ty TNHH T1 vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi có địa chỉ trụ sở của bị đơn. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X (Công ty X): Quá trình giải quyết Công ty X đã gửi văn bản trả lời ý kiến và các tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Q1 đã có đơn đề nghị về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trong đó có nội dung xin rút yêu cầu đối với Công ty TNHH X đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét, nguyên đơn rút yêu cầu về việc đưa người tham gia tố tụng là sự tự nguyện không trái pháp luật theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do việc đưa Công ty TNHH X tham gia vụ án là không cần thiết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

[2.1.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 54209.21.510.4127648.TD ngày 06/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.4127648.TD.PL01 ngày 21/06/2022; cụ thể: Tổng số tiền cam kết cho vay: Giá trị hạn mức tín dụng 1: 2.500.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 7.500.000.000 đồng; Giá trị hạn mức tín dụng 2: 5.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 15.000.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký Hợp đồng này đến ngày 06/10/2022. Khi hết thời hạn cấp tín dụng, tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu, khả năng đáp ứng của mỗi bên, hai bên có thể thỏa thuận việc cấp hạn mức cho kỳ tiếp theo. Thời hạn sử dụng Khoản tín dụng lần đầu: Chậm nhất là ngày 06/4/2022, trừ trường hợp MB có chấp thuận khác; lãi suất khoản tín dụng: Lãi suất cố định: Theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB hoặc lãi suất thả nổi: Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng; phương thức cho vay: Cho vay theo mức tín dụng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của khách hàng. Thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 09

tháng; Tổng số tiền đã giải ngân: 5.258.998.050 đồng theo Các khế ước nhận nợ số LD2217217062 ngày 21/06/2022 mục đích vay: Thanh toán tiền hàng, số tiền giải ngân 450.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số FT22248900684045 ngày 05/9/2022 mục đích vay: Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ số 510MD2127965837, số tiền giải ngân 4.808.998.050 đồng. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.1.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 15/10/2021 Công ty TNHH T1 đã trả cho Ngân hàng 4.053.170 đồng tiền lãi của số tiền gốc giải ngân tại khế ước nhận nợ LD2217217602 số tiền gốc giải ngân 450.000.000 đồng. Sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty T3 trả nợ đến nay, Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi còn nợ. Như vậy, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn đối với khế ước nhận nợ LD2217217602 số tiền gốc giải ngân 450.000.000 đồng (lãi suất 8,9%/năm sau đó theo quy định từng thời kỳ) và phiếu báo nợ PD2224863929 số tiền gốc giải ngân 4.808.998.050 đồng (lãi suất 13,5%/năm sau đó theo quy định từng thời kỳ) tính đến ngày 02/5/2024 là: 6.452.711.652 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.258.998.050 đồng; lãi quá hạn: 1.193.713.602 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 02/5/2024 cho đến khi bị đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.4127648.TD.PL01 ngày 21/06/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.4127648.TD.PL01 ngày 21/06/2022.

[2.1.3] Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH T1 do bà Nguyễn Thị B làm Giám đốc Công ty. Kết quả xác minh như sau: Xác nhận tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q thì Công ty TNHH T1 có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp C, đăng ký lần đầu ngày 14/03/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/8/2022; địa chỉ trụ sở tại: Số A đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn Thị B – sinh ngày 10/5/1962, chức danh: Giám đốc. Tình trạng doanh nghiệp tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Nhưng công ty cũng không làm thủ tục phá sản hoặc xóa tên công ty. Do đó, có đủ căn cứ xác định đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn chưa chia tách, sáp nhập hay giải thể doanh nghiệp.

Từ các mục [2.1.1]; [2.1.2]; [2.1.3] có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết với tổng số

tiền còn nợ nguyên đơn đối với khế ước nhận nợ LD2217217602 số tiền gốc giải ngân 450.000.000 đồng (lãi suất 8,9%/năm sau đó theo quy định từng thời kỳ) và phiếu báo nợ PD2224863929 số tiền gốc giải ngân 4.808.998.050 đồng (lãi suất 13,5%/năm sau đó theo quy định từng thời kỳ) tính đến ngày 02/5/2024 là: 6.452.711.652 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.258.998.050 đồng; lãi quá hạn: 1.193.713.602 đồng).

[2.2] Xét, các hợp đồng thế chấp:

[2.2.1] Quyền đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ (Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021, bên có nghĩa vụ: Công ty TNHH X, trị giá quyền đòi nợ: 18.600.000.000 đồng (Bằng chữ: mười tám tỷ sáu trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán: theo quy định của Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ; (2) Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên tài khoản 5101100101008 (VND) mở tại M2; (3) Các quyền và lợi ích phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05-09/2021/HĐXL-KĐH ngày 30/09/2021 về việc thực hiện gói thầu số 14/TC-KĐH: Thi công xây dựng tuyến kè thôn P (bao gồm chi phí dự phòng), dự án: Khôi phục khẩn cấp chống sạt lở bờ sông xã Đ, huyện T giữa Công ty TNHH X và Công ty T1 cùng các giấy tờ, tài liệu kèm theo. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định. Như vậy, hợp đồng đã được ký kết đúng thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi đơn và có ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về Quyền đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021. Xét, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và không trái pháp luật, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bị đơn đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

[2.2.2] Đối với xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota; số loại: CAMRY; số khung: 3FKXH1005055; số máy: 6ARP291274; màu sơn: đen mang BKS số: 73A-079.89 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012290 do Phòng CSGT Công an tỉnh Q cấp ngày 12/06/2017 cho Công ty T1. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 28838.22.510.4127648.BĐ ngày 21/06/2022 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo quy định.

Xét thấy, Công ty TNHH T1 ngoài việc phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì Công ty TNHH T1 phải có trách nhiệm dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng,

trường hợp Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP Q1 thông qua Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh Q3 được quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của Công ty TNHH T1 đang thế chấp theo hợp đồng bảo đảm: Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 28838.22.510.4127648.BĐ ngày 21/06/2022 và những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH T1 thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.000.000 đồng cộng 0,1 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng là: $6.452.711.652 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng} = 2.452.711.652 \text{ đồng} \times 0,1\% = 2.452.711 \text{ đồng} + 112.000.000 \text{ đồng} = 114.452.711 \text{ đồng}$ để sung quỹ nhà nước.

Ngân hàng TMCP Q1 (MB) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 (MB) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng chẵn) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001751 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; 244; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 298; 299; 317; 318; 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 (MB) đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 54209.21.510.4127648.TD ngày 06/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.4127648.TD.PL01 ngày 21/06/2022. Các khế ước nhận nợ số LD2217217062 ngày 21/06/2022 và khế ước nhận nợ số số FT22248900684045 ngày 05/9/2022 kèm phiếu báo nợ PD2224863929 tính đến ngày 02/5/2024 là: 6.452.711.652 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.258.998.050 đồng; lãi quá hạn: 1.193.713.602 đồng).

1.2. Từ ngày 03/5/2024 cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ trên, hàng tháng Công ty TNHH T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 54209.21.510.4127648.TD ngày 06/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 54209.21.510.4127648.TD.PL01 ngày 21/06/2022. Các khế ước nhận nợ số LD2217217062 ngày 21/06/2022 và khế ước nhận nợ số số FT22248900684045 ngày 05/9/2022 kèm phiếu báo nợ PD2224863929 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 và Công ty TNHH T1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là 01 (một) xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota; số loại: CAMRY; số khung: 3FKXH1005055; số máy: 6ARP291274; màu sơn: đen mang BKS số: 73A-079.89 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012290 do Phòng CSGT Công an tỉnh Q cấp ngày 12/06/2017 cho Công ty T1. Việc thế chấp đã được Công ty T1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 28838.22.510.4127648.BĐ ngày 21/06/2022 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho MB thì MB thông qua MB chi nhánh Q3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH T1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản đảm bảo là Q đòi nợ tại Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 54370.21.510.4127648.BĐ ngày 06/10/2021 giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 và bị đơn Công ty TNHH T1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bị đơn Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 114.452.711 đồng.

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 (MB) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng chẵn) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001751 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/5/2024). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Tiến Nguyễn Thị Ngân H

Nguyễn Thị Tuyết Minh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

(Hội thẩm nhân dân)

Nguyễn Thị Vòng Dương Thị Hồng L

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị Tuyết Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

